TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘC CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 9 - 2022
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về chia tài sản chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đèo Văn Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Minh, bà Nguyễn Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Nga, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 105/2022/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2022, về việc: "*Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung*".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961; Trú tại: Tk 13 thị trấn MC, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La *(Có mặt tại phiên tòa).*

2/ Bị đơn: Ông Nguyễn Khắc S, sinh năm 1961; Trú tại: Tk 13 thị trấn MC, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La *(Có mặt tại phiên tòa).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện và những lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị T như sau:

Bà và ông Nguyễn Khắc S kết hôn với nhau từ ngày 13/3/1986 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại xã Chiềng Sại, huyện Mộc Châu được một thời gian thì chuyển lên tiểu khu 13 thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, mặc dù đã được họ hàng, gia đình, làng xóm và chính quyền địa phương hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện bà và ông S đã sống ly thân từ năm 2020, năm 2021 bà đã nộp đơn xin ly hôn nhưng do các con khuyên nên bà rút đơn về đoàn tụ nhưng ông S vẫn không thay đổi, xét tình cảm không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Khắc S.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung gồm: Nguyễn Thị T, sinh ngày 08/10/1987 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 09/3/1992. Hiện cả hai cháu đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường đã xây dựng gia đình riêng, bà không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống với nhau bà và ông Nguyễn Khắc S có tạo lập được một số tài sản như sau:

1. Thửa đất số 29 tờ bản đồ số 08, có diện tích (theo biên bản thẩm định tại chỗ) 2.534,6 m^2, có các tứ cạnh phía bắc giáp đất ông Việt; Phía Đông giáp đất ông Hiền, giáp đất ông Thủ, ông Dương; Phía Nam giáp đất bà Hiền; Phía Tây giáp đường bê tông xóm. Loại đất rừng trồng sản xuất, vị trí tọa lạc tại tiểu khu 13, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, đã được UBND huyện Mộc Châu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 158194 ngày 20/12/2007 mang tên Nguyễn Khắc S.

Tài sản trên đất: 01 ngôi nhà 01 tầng, tường chịu lực, mái lợp tôn, nền lát gạch có diện tích 14,2 m^2, đưa vào sử dụng năm 1997; 01 ngôi nhà 01 tầng, tường chịu lực, mái lợp tôn, nền lát gạch có diện tích 31,5 m^2, đưa vào sử dụng năm 1997; 01 nhà tắm độc lập có diện tích 3,3 m^2, đưa vào sử dụng năm 2000; Mái che xà gồ thép hình, lợp tôn múi (gác lên tường) có diện tích 47,6 m^2, đưa vào sử dụng năm 2017, Nền lát gạch đất nung có diện tích 47,6 m^2, đưa vào sử dụng năm 2017; Chuồng chăn nuôi, tường xây gạch, mái lợp fibro xi măng, nền láng vữa xi măng có diện tích 20,9 m^2, đưa vào sử dụng năm 2013; 01 nhà bếp tường xây, mái lợp tôn, nền lát gạch có diện tích 18,2 m^2, đưa vào sử dụng năm 1997; 01 ngôi nhà 01 tầng, tường chịu lực, mái lợp tôn, nền lát gạch (Nhà kho)

có diện tích 6,8 m^2, đưa vào sử dụng năm 1997; Chuồng chăn nuôi, tường xây gạch, mái lợp fibro xi măng, nền láng vữa xi măng có diện tích 20,3 m^2 đưa vào sử dụng năm 2013; 01 ngôi nhà 01 tầng, tường chịu lực xây gạch block, mái lợp tôn, nền lát gạch có diện tích 14,9 m^2, đưa vào sử dụng năm 1997; Bể nước có thể tích 5,3m^3, đưa vào sử dụng năm 2000 và 60 cây nhãn ghép trồng từ năm 1994.

2. Thửa đất số 01 tờ bản đồ số 41 (đất nương) tại tiểu khu 13 thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu có diện tích 9.982,2 m^2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo biên bản thẩm định tại chỗ) được chia thành 03 thửa như sau:

2.1. **Thửa đất số 1a tờ bản đồ số 41:** Theo kết quả trích đo hiện trạng thực tế diện tích đất là 1.687,2 m^2. Có các tứ cạnh: Phía Bắc giáp đất ông Lợi; Phía Đông giáp đường bê tông; Phía Nam giáp đất ông Hinh; Phía Tây giáp núi. Tài sản trên đất 20 cây mận hậu trồng từ năm 1994.

2.2. **Thửa đất số 1b tờ bản đồ số 41**: Theo kết quả trích đo hiện trạng thực tế diện tích đất của thửa đất có diện tích là 5430 m^2. Có các tứ cạnh: Phía Bắc giáp đất ông Lư; Phía Đông giáp đất ông Hinh, ông Lợi; Phía Nam giáp đất thửa số 1c tờ bản đồ số 41; Phía Tây giáp đường bê tông. Tài sản trên đất: Nhà 01 tầng, tường chịu lực xây gạch block, mái lợp tôn, nền láng vữa xi măngcó diện tích 15,4 m^2, đưa vào sử dụng năm 2015. (nhà lán nương); Bếp tường xây gạch block, mái lợp fibro xi măng, nền láng vữa xi măngcó diện tích 9,5m^2, đưa vào sử dụng năm 2015; Bể nước xây gạch block, đáy, nắp bể đổ bê tông cốt thép có thể tích 9,5m^3 và 35 cây mận hậu trồng năm 1994.

2.3 **Thửa đất số 1c tờ bản đồ số 41**: Theo kết quả trích đo hiện trạng thực tế diện tích của thửa đất có diện tích là 2.847m^2. Có các tứ cạnh: Phía Đông giáp rừng; Phía Nam giáp rừng; Phía Tây giáp đường bê tông. Tài sản trên đất: 20 cây mận hậu trồng năm 1994.

Nợ chung: Không có.

Khi ly hôn bà yêu cầu chia đôi tài sản trên.

Đối với đồ dùng trong nhà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Bị đơn, ông Nguyễn Khắc S, trình bày: Về quan hệ hôn nhân và thời gian kết hôn ông hoàn toàn đồng ý với trình bày của bà T, về mâu thuẫn ông cho rằng ông không bạo hành đánh đập gì bà T do bà T ghen tuông mù quáng từ đó vợ chồng thường xuyên xô xát, cãi chửi nhau không thể chung sống được với nhau và bà T đã bỏ đi sống với con từ năm 2020 cho đến nay. Nay bà T có đơn xin ly hôn ông, ông hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung gồm: Nguyễn Thị T, sinh ngày 08/10/1987 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 09/3/1992. Hiện cả hai cháu đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường đã xây dựng gia đình riêng, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung:

Ông hoàn toàn đồng ý như bà T trình bày, kê khai và nhất trí với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Đối với cả 02 thửa đất: Thửa đất thứ nhất số 29 tờ bản đồ số 08, có diện tích (theo biên bản thẩm định tại chỗ) 2.534,6 m^2 và thửa đất số 01, tờ bản đồ số 41, có diện tích 9.982,2 m^2 vị trí tọa lạc tại tiểu khu 13, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La là loại đất trồng rừng sản xuất, hiện nay ông đang ký kết hợp đồng kinh tế với Nhà nước (Lâm trường Mộc Châu I) thực hiện dự án trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng kinh tế chưa hết thời hạn, nên ông không đồng ý chia, nếu có chia ông sẽ nhận cả 2 thửa đất và trả tiền chênh lệch theo định giá cho bà T theo quy định.

Nợ chung: Không có.

Đối với đồ dùng trong nhà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng tư cách các đương sự, việc giải quyết vụ án đúng thời hạn quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; 39; 147; 266, 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 33; 55; 57; 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Khắc S.

2/ Về chia tài sản chung:

*/ Bà Nguyễn Thị T được chia các tài sản sau:

- Một phần thửa đất số 29 tờ bản đồ số 08 có tổng diện tích 1.180,3m^2 gồm 02 thửa.

Thửa thứ nhất: Có diện tích 820m^2 có có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đất ông Việt, có chiều dài 53,7m; Phía Đông giáp đất ông Hiền, có chiều rộng 15,4m; Phía Nam giáp đất ông S, có chiều dài 51,36m; Phía Tây giáp đường bê tông xóm có chiều dài 15,6m, trên mảnh đất có 21 cây nhãn.

Thửa thứ hai: Có diện tích 360,3m^2 có có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đất ông S, có chiều dài 42,83m.; Phía Đông giáp đất ông Dương, có chiều rộng 7,5m; Phía Nam giáp đất bà Hiền, có chiều dài 41,9m; Phía Tây giáp đường bê tông xóm có chiều dài 9,4m, trên mảnh đất có 15 cây nhãn.

Tạm giao cho bà Nguyễn Thị T thửa đất số 1b tờ bản đồ số 41 (theo biên bản xém xét thẩm định ngày 23/6/2022) có diện tích 5.430m^2 có vị trí tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đất ông Lư, có chiều dài 33,4m; Phía Đông giáp đất ông Hinh, ông Lợi, có chiều dài 129,4m; Phía Nam giáp đất thửa số 1c tờ bản đồ số 41 (đất ông S) có chiều dài 57,24m; Phía Tây giáp đường bê tông, có chiều dài 90,12m.

Tài sản trên đất gồm 01 ngôi nhà 01 tầng, mái lợp tôn, có diện tích 15,4m^2; 01 nhà bếp tường xây có diện tích 9,5m^2; 01 bể nước có thể tích 9,5m^3 và 35 cây mận hậu.

*/ Ông Nguyễn Khắc S được chia các tài sản sau:

- Một phần Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 08, có diện tích 1.354.3m^2, có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đất bà T, có chiều dài 51,36m; Phía Đông giáp đất ông Hiền, ông Thủ, ông Dương có chiều rộng 37,9m; Phía Nam giáp đất bà T, có chiều dài 42,83m; Phía Tây giáp đường bê tông xóm có chiều dài 29,28m.

Trên mảnh đất có 24 cây nhãn và 01 ngôi nhà xây 01 tầng, có diện tích 14,2m^2; 01 nhà xây 01 tầng có diện tích 31,5m^2; 01 nhà tắm độc lập, có diện tích 3,3m^2; Mái che xà gồ thép hình, lợp tôn múi (gác lên tường) có diện tích 47,6m^2; Nền lát gạch đất nung có diện tích 47,6m^2; 01 Chuồng chăn nuôi, mái lợp fibro xi măng, có diện tích 20,9m^2; 01 nhà bếp tường xây có diện tích 18,2m^2; 01 nhà xây 01 tầng, (Nhà kho) có diện tích 6,8m^2; 01 Chuồng chăn nuôi, tường xây gạch, mái lợp fibro xi măng, có diện tích 20,3m^2; 01 nhà xây 01 tầng, mái lợp tôn, có diện tích 14,9m^2; 01 Bể nước có thể tích 5,3m^3.

- Tạm giao cho ông Nguyễn Khắc S thửa đất số 1a tờ bản đồ số 41 (theo biện bản xém thét thẩm định ngày 23/6/2022) có diện tích 1.687,2m^2 có vị trí tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đất ông Lợi có chiều dài 39,6m; Phía Đông

giáp đường bê tông, có chiều dài 50,9m; Phía Nam giáp đất ông Hinh, có chiều dài 43,4m; Phía Tây giáp núi, có chiều dài 48,9m cùng 20 cây mận hậu và thửa số thửa đất số 1c tờ bản đồ số 41 có diện tích là 2.847m2. Có vị trí tiếp giáp và mốc cụ thể như sau: Phía Bắc giáp đất thửa số 1b tờ bản đồ số 41 (đất bà T) có chiều dài 57,24m; Phía Đông giáp rừng, có chiều dài 105m; Phía Nam giáp rừng, có chiều dài 10,5m; Phía Tây giáp đường bê tông, có chiều dài 85,3m và 20 cây mận hậu.

Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Khắc S có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3/ Buộc ông Nguyễn Khắc S có trách nhiệm phải thanh toán phần giá trị tài sản chênh lệnh cho bà Nguyễn Thị T số tiền 10.265.000 (Mười triệu hai trăm sáu mươi năm nghìn đồng).

4/ Về án dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị T được miễn án phí ly hôn 300.000 đồng và 15.264.000 đồng án phí chia tài sản; ông Nguyễn Khắc S được miễn số tiền 15.264.000 đồng án phí chia tài sản.

- Ghi nhận sự tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 9.500.000 đồng (Chín triệu, năm trăm nghìn đồng) bà T đã nộp xong.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Khắc S đều có hộ khẩu cư trú tại tiểu khu 13 thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu và bà Nguyễn Thị T "yêu cầu ly hôn, tranh chấp tài sản chung" với ông Nguyễn Khắc S. Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Khắc S. Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Khắc S tự nguyên kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh

Sơn La, căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống trên cơ sở tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thấy: Trong thời gian chung sống bà T và ông S chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách hai vợ chồng khác nhau, hai vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau và không thông cảm cho nhau mặc dù đã được hai bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện, năm 2020 bà T đã có đơn đề nghị ly hôn nhưng do các con khuyên giải nên bà rút đơn nhưng vợ chồng không thể sống đoàn tụ được và bà đã bỏ về sống với con từ năm 2020 và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà T xin ly hôn ông S là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, hơn nữa tại phiên hòa giải ngày 13/5/2022 bà T và ông S thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung gồm: Nguyễn Thị T, sinh ngày 08/10/1987 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 09/3/1992. Hiện cả hai cháu đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường đã xây dựng gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[4] Về tài sản chung:

[4.1] Bà T, ông S đều khẳng định tài sản chung của vợ chồng là 02 thửa đất: Thửa đất số 29 tờ bản đồ số 08, có diện tích là 2.534,6 m^2 đã được Ủy bản nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất có 01 ngôi nhà xây 01 tầng, tường chịu lực, mái lợp tôn, nền lát gạch có diện tích 14,2 m^2, đưa vào sử dụng năm 1997; 01 ngôi nhà xây 01 tầng, tường chịu lực, mái lợp tôn, nền lát gạch có diện tích 31,5 m^2, đưa vào sử dụng năm 1997; 01 nhà tắm xây độc lập, nền mát gạch hoa có diện tích 3,3 m^2, đưa vào sử dụng năm 2000; Mái che xà gồ thép hình, lợp tôn múi (gác lên tường) có diện tích 47,6 m^2, đưa vào sử dụng năm 2017; Nền lát gạch đất nung có diện tích 47,6 m^2, đưa vào sử dụng năm 2017; Chuồng chăn nuôi, tường xây gạch, mái lợp fibro xi măng, nền láng vữa xi măng có diện tích 20,9 m^2, đưa vào sử dụng năm 2013; 01 nhà bếp tường xây gạch block, mái lợp tôn, nền lát gạch có diện tích 18,2 m^2, đưa vào sử dụng năm 1997; 01 ngôi nhà xây 01 tầng, tường chịu lực, mái lợp tôn, nền lát gạch (Nhà kho) có diện tích 6,8 m^2, đưa vào sử dụng năm 1997; Chuồng chăn nuôi, tường xây gạch, mái lợp fibro xi măng, nền láng vữa xi măng có diện tích 20,3 m^2 đưa vào sử dụng năm 2013; 01 ngôi nhà xây

01 tầng, tường chịu lực, mái lợp tôn, nền lát gạch có diện tích 14,9 m^2, đưa vào sử dụng năm 1997; Bể nước có thể tích 5,3m^3, đưa vào sử dụng năm 2000 và 60 cây nhãn ghép trồng từ năm 1994. Và thửa đất nương có diện tích 9.982,2 m^2 tài sản trên đất gồm: Nhà 01 tầng, tường chịu lực xây gạch block, mái lợp tôn, nền láng vữa xi măng có diện tích 15,4 m^2, đưa vào sử dụng năm 2015. (nhà lán nương); Bếp tường xây gạch block, mái lợp fibro xi măng, nền láng vữa xi măng có diện tích 9,5m^2, đưa vào sử dụng năm 2015; Bể nước có thể tích 9,5m^3 và 75 cây mận hậu trồng năm 1994 đã cho thu hoạch, đều có vị trí tại tiểu khu 13 thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La ngoài ra các tài sản khác không yêu cầu giải quyết. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[4.2] Bị đơn ông Nguyễn Khắc S là người làm nghề nông còn vợ ông bà T là cán bộ (giáo viên), ông thực hiện hợp đồng kinh tế ký kết với Lâm Trường Mộc Châu I để trồng và chăm sóc, bảo vệ rừng kinh tế từ năm 1998 đến nay chưa hết hạn nên không đồng ý chia đôi số tài sản như ý kiến của nguyên đơn bà T mà ông chỉ đồng ý chia bằng hiện vật (tiền) cho bà T theo đơn giá định giá tài sản ngày 23/6/2022. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo biên bản xác minh với Hạt kiểm Lâm huyện Mộc Châu và ông Sa Duy T - Nguyên giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên Lâm Nghiệp Mộc Châu, tỉnh Sơn La (viết tắt là Công ty TNHHMTV Lâm Nghiệp Mộc Châu trước là Lâm Trường Mộc Châu I,) (nay đã giải thể) hiện nay các hợp đồng kinh tế trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng kinh tế của các hộ gia đình đang được ban giải thể tỉnh Sơn La quản lý để quyết toán, khi nào Nhà nước yêu cầu thu hồi vốn vay thì sẽ yêu cầu các hộ gia đình vay vốn trồng rừng theo dự án thanh toán sau và đất thực hiện dự án phía Công ty TNHHMTV Lâm Nghiệp không quản lý đất của các hộ gia đình, nên việc chia đất là tài sản chung là đất thực hiện dự án không ảnh hưởng đến hợp đồng đã ký kết giữa ông S và Lâm Trường Mộc Châu I nay là Công ty TNHHMTV Lâm Nghiệp Mộc Châu. Do đó việc yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc chia đôi tài sản chung là đất và tài sản trên đất, là có căn cứ chấp nhận.

[4.3] Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ 02 thửa đất ngày 23/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Về nguyên tắc chia đôi đất từng thửa đất. Tuy nhiên thửa đất số 29 tờ bản đồ số 08 có tổng diện tích là 2.534,6m^2 được cấp giấy chứng nhận số AL 158194 cấp ngày 20/12/2007 mang tên Nguyễn Khắc S, nhà và các công trình nằm ở chính giữa thửa đất và ông Nguyễn Khắc S tự ý mở một con đường bê tông đi

giữa thửa đất. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn bà Nguyễn Thị T bỏ về sống chung cùng với con từ năm 2020 cho đến nay. Hiện nay ông S sống ổn định và chăm sóc vườn cây và sống trên các ngôi nhà tại thửa đất này nên quyết định chia mảnh đất thành 03 phần và để ông S tiếp tục sử dụng ngôi nhà. Các thửa đất được chia như sau:

Giao cho bà Nguyễn Thị T một phần thửa đất số 29 tờ bản đồ số 8 có diện tích 820m^2, trên mảnh đất có 15 cây nhãn và 360,3m^2 trên đất có 15 cây nhãn.

Giao cho ông Nguyễn Khắc S một phần thửa đất số 29 tờ bản đồ số 8 có diện tích 1.354,3m^2, trên mảnh đất có 24 cây nhãn và 01 ngôi nhà xây 01 tầng, tường chịu lực, mái lợp tôn, nền lát gạch có diện tích 14,2 m^2; 01 ngôi nhà xây 01 tầng, tường chịu lực, mái lợp tôn, nền lát gạch có diện tích 31,5 m^2; 01 ngôi nhà tắm độc lập xây bằng gạch block, nền mát gạch hoa có diện tích 3,3 m^2; Mái che xà gồ thép hình, lợp tôn múi (gác lên tường) có diện tích 47,6 m^2; Nền lát gạch đất nung có diện tích 47,6 m^2; Chuồng chăn nuôi, tường xây gạch, mái lợp fibro xi măng, nền láng vữa xi măng có diện tích 20,9 m^2; 01 nhà bếp tường xây gạch block, mái lợp tôn, nền lát gạch có diện tích 18,2 m^2; 01 ngôi nhà xây 01 tầng, tường chịu lực, mái lợp tôn, nền lát gạch (Nhà kho) có diện tích 6,8 m^2; Chuồng chăn nuôi, tường xây gạch, mái lợp fibro xi măng, nền láng vữa xi măng có diện tích 20,3 m^2; 01 ngôi nhà 01 tầng, tường chịu lực xây gạch block, mái lợp tôn, nền lát gạch có diện tích 14,9 m^2; Bể nước có thể tích 5,3m^3.

- Đối với thửa đất số 01 tờ bản đồ số 41 là loại đất nương trồng mận hậu trên đồi cao đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nên Hồi đồng xét xử cần tạm giao cho các đương sự:

Tạm giao cho bà Nguyễn Thị T thửa đất số 1b tờ bản đồ số 41 (theo biện bản xém thét thẩm định ngày 23/6/2022) có diện tích 5.430m^2. Tài sản trên đất gồm: 01 nhà 01 tầng, tường chịu lực xây gạch block, mái lợp tôn, nền láng vữa xi măng có diện tích 15,4m2; 01 bếp tường xây gạch block, mái lợp fibro xi măng, nền láng vữa xi măng có diện tích 9,5m2; 01 bể nước có thể tích 9,5m3 và 35 cây mận hậu trồng năm 1994.

Tạm giao cho ông Nguyễn Khắc S thửa đất số 1a tờ bản đồ số 41 (theo biện bản xém thét thẩm định ngày 23/6/2022) có diện tích 1.687,2m^2 trên đất 20 cây mận hậu trồng từ năm 1994 và thửa số thửa đất số 1c tờ bản đồ số 41 có diện tích là 2.847m^2 và 20 cây mận hậu trồng năm 1994.

[4.4] Xác định phần giá trị chênh lệch: Căn cứ vào biên bản định giá ngày 23/6/2022 thì tổng tài sản của ông S và bà T có giá trị là 610.547.000 đồng. Như vậy bà T nhận được ½ giá trị tài sản là 305.274.000 đồng. Ông S nhận được ½

tài sản có giá trị 305.274.000 đồng (Ba trăm linh năm triệu hai trăm bảy mươi tư nghìn đồng) (làm tròn số).

- Tài sản mà bà T được nhận có giá trị như sau: 6.610,3m^2 đất có giá 59.493.000 đồng; Nhà diện tích 15,4m^2 01 ngôi nhà bếp 9,2m^2 và 01 bể nước có thể tích 9,5m^3 và 36 cây nhãn, 35 cây mận hậu có giá trị là 235.518.000 đồng. Tổng cộng là 295.011.000đ (Hai trăm chín mươi năm triệu không trăm mười một nghìn đồng).

- Tài sản mà ông S được nhận có giá trị như sau: 5.888,5m^2 đất có giá 52.997.000đ; 01 nhà xây 01 tầng mái lợp tôn, nền lát gạch có diện tích 14,2m^2; 01 ngôi nhà xây 01 tầng mái lợp tôn, nền lát gạch có diện tích 31,5m^2; 01 nhà tắm có diện tích 3,3m^2; Mái che xà gồ thép hình, lợp tôn múi (gác lên tường) có diện tích 47,6m^2, nên lát gạch đất nung có diện tích 47,6m^2; 01 chuồng chăn nuôi, tường xây gạch, mái lợp fibro xi măng, có diện tích 20,9 m^2, 01 bếp tường xây gạch block, mái lợp tôn, nền lát gạch có diện tích 18,2m^2; 01 nhà 01 tầng mái lợp tôn, nền lát gạch (Nhà kho) có diện tích 6,8m^2; chuồng chăn nuôi, tường xây gạch, mái lợp fibro xi măng, nền láng vữa xi măng có diện tích 20,3m^2; 01 nhà xây 01 tầng, mái lợp tôn, nền lát gạch có diện tích 14,9m^2; 01 bể nước có thể tích 5,3m^3 và 24 cây nhãn và 40 cây mận hậu có giá trị: 262.539.000 đồng. Tổng cộng là 315.536.000đ. (Ba trăm mười năm triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Như vậy do tổng giá trị tài sản của ông S lớn hơn tổng giá trị của bà T nên ông S phải thanh toán cho bà T số tiền trị giá chênh lệch tài sản là 315.536.000 đồng – 295.011.000 đồng = 20.525.000 đồng/2 = 10.260.000 đồng (Mười triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng) (tính tròn số).

[5] Về án phí và chi phí tố tụng:

[5.1] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ án phí xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5.2] Bà T và ông S phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tài sản được nhận mỗi người là 305.274.000 đồng x 5% = 15.264.000 đồng (Mười năm triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

[5.3] Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà.

[5.4] Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Khắc S là người cao tuổi có đơn xin được miễn án phí và tại phiên tòa các đương sự đều có ý kiến xin được miễn án phí. Hội đồng xét xử cần miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; 39; 147; 266, 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 33; 55; 57; 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Khắc S.

2/ Về chia tài sản chung:

*/ Bà Nguyễn Thị T được chia các tài sản sau:

- Một phần thửa đất số 29 tờ bản đồ số 08 có tổng diện tích 1.180,3m^2 gồm 02 thửa.

Thửa thứ nhất: Có diện tích 820m^2 có có tứ cận như sau: Phía Bắc: Có mốc từ M17qua M16, M15, M14 đến M13 giáp đất ông Việt, có chiều dài 53,7m; Phía Đông: Có mốc từ M13 qua M12 đến M11 giáp đất ông Hiền, có chiều rộng 15,4m; Phía Nam: Có mốc từ M 19 đến M11 giáp đất ông S, có chiều dài 51,36m; Phía Tây: Có mốc từ M17 qua M18, M19 đến M19 giáp đường bê tông xóm có chiều dài 15,6m, trên mảnh đất có 21 cây nhãn.

Thửa thứ hai: Có diện tích 360,3m^2 có có tứ cận như sau: Phía Bắc: Có mốc từ M2 đến M6 giáp đất ông S, có chiều dài 42,83m.; Phía Đông: Có mốc từ M5 đến M6 giáp đất ông Dương, có chiều rộng 7,5m; Phía Nam: Có mốc từ M3 qua M4, đến M5 giáp đất bà Hiền, có chiều dài 41,9m; Phía Tây: Có mốc từ M2 đến M3 giáp đường bê tông xóm có chiều dài 9,4m, trên mảnh đất có 15 cây nhãn.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AL 158194, số vào sổ H 01081 cấp ngày 20/12/2007 của UBND huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La mang tên ông Nguyễn Khắc S.

Tạm giao cho bà Nguyễn Thị T thửa đất số 1b tờ bản đồ số 41 (theo biên bản xém xét thẩm định ngày 23/6/2022) có diện tích 5.430m^2 có vị trí tiếp giáp như sau: Phía Bắc: Có mốc từ M24 qua M23, M22, M21 đến M20 giáp đất ông

Lư, có chiều dài 33,4m; Phía Đông: Có mốc từ M20 qua M19, M18, M17, M16, M15, M14, M13, M12, M11, đến M10 giáp đất ông Hinh, ông Lợi, có chiều dài 129,4m; Phía Nam: Có mốc từ M10 đến M33 giáp đất thửa số 1c tờ bản đồ số 41 (đất ông S) có chiều dài 57,24m; Phía Tây: Có mốc từ M33 qua M32, M31, M30, M29, M28, M27, M26, M25 đến M24 giáp đường bê tông, có chiều dài 90,12m.

Tài sản trên đất gồm 01 ngôi nhà xây 01 tầng, tường chịu lực, mái lợp tôn, nền láng vữa xi măng có diện tích 15,4m^2; 01 nhà bếp tường xây gạch block, mái lợp fibro xi măng, nền láng vữa xi măng có diện tích 9,5m^2; 01 bể nước có thể tích 9,5m^3 và 35 cây mận hậu.

Tổng giá trị tài sản mà bà T được nhận là: 295.011.000 đồng. (*Hai trăm chín mươi năm triệu không trăm mười một nghìn đồng*).

*/ Ông Nguyễn Khắc S được chia các tài sản sau:

- Một phần Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 08, có diện tích 1.354.3m^2, có tứ cận như sau: Phía Bắc: Có mốc từ M19 đến M11 giáp đất bà T, có chiều dài 51,36m; Phía Đông: Có mốc từ M11 qua M10, M9, M8,M22 đến M6 giáp đất ông Hiền, ông Thủ, ông Dương có chiều rộng 37,9m; Phía Nam: Có mốc từ M2 đến M6 giáp đất bà T, có chiều dài 42,83m; Phía Tây: Có mốc từ M2 qua M1, M20 đến M19 giáp đường bê tông xóm có chiều dài 29,28m.

Trên mảnh đất có 24 cây nhãn và 01 ngôi nhà xây 01 tầng, tường chịu lực, mái lợp tôn, nền lát gạch có diện tích 14,2m^2; 01 nhà xây 01 tầng, tường chịu lực, mái lợp tôn, nền lát gạch có diện tích 31,5m^2; 01 nhà tắm độc lập, nền mát gạch hoa có diện tích 3,3m^2; Mái che xà gồ thép hình, lợp tôn múi (gác lên tường) có diện tích 47,6m^2; Nền lát gạch đất nung có diện tích 47,6m^2; 01 Chuồng chăn nuôi, mái lợp fibro xi măng, nền láng vữa xi măng có diện tích 20,9m^2; 01 nhà bếp tường xây gạch block, mái lợp tôn, nền lát gạch có diện tích 18,2m^2; 01 nhà xây 01 tầng, tường chịu lực, mái lợp tôn, nền lát gạch (Nhà kho) có diện tích 6,8m^2; 01 Chuồng chăn nuôi, tường xây gạch, mái lợp fibro xi măng, nền láng vữa xi măng có diện tích 20,3m^2; 01 nhà xây 01 tầng, tường chịu lực, mái lợp tôn, nền lát gạch có diện tích 14,9m^2; 01 Bể nước có thể tích 5,3m^3.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AL 158194, số vào sổ H 01081 cấp ngày 20/12/2007 của UBND huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La mang tên ông Nguyễn Khắc S.

- Tạm giao cho ông Nguyễn Khắc S thửa đất số 1a tờ bản đồ số 41 (theo biện bản xém thét thẩm định ngày 23/6/2022) có diện tích 1687,2m^2 có vị trí tiếp giáp như sau: Phía Bắc: Có mốc từ M50 qua M51, M52, M53 đến M54 giáp đất ông Lợi có chiều dài 39,6m; Phía Đông: Có mốc từ M54 qua M55, M56, M57 đến M41 giáp đường bê tông, có chiều dài 50,9m; Phía Nam: Có mốc từ M41 qua M42, M43 đến M47 giáp đất ông Hinh, có chiều dài 43,4m; Phía Tây: Có mốc từ M47 qua M48, M49 đến M50 giáp núi, có chiều dài 48,9m cùng 20 cây mận hậu và thửa số thửa đất số 1c tờ bản đồ số 41 có diện tích là 2.847m2. Có vị trí tiếp giáp và mốc cụ thể như sau: Phía Bắc: Có mốc từ M33 đến M10 giáp đất thửa số 1b tờ bản đồ số 41(đất bà T) có chiều dài 57,24m; Phía Đông: Có mốc từ M10 qua M9, M8, M7, M6, M5, M4, M3 đến M2 giáp rừng, có chiều dài 105m; Phía Nam: Có mốc từ M2 đến M1 giáp rừng, có chiều dài 10,5m; Phía Tây: Có mốc từ M1 qua M40, M39, M38, M37, M36, M35, M34 đến M33 giáp đường bê tông, có chiều dài 85,3m và 20 cây mận hậu.

Tổng giá trị tài sản mà ông S được nhận là: 315.536.000 đồng. (Ba trăm mười năm triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Khắc S có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(*Có sơ đồ hiện trạng đất kèm theo*)

3/ Buộc ông Nguyễn Khắc S có trách nhiệm phải thanh toán phần giá trị tài sản chênh lệnh cho bà Nguyễn Thị T số tiền 10.260.000 đồng (Mười triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

"Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi xuất tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự".

4/ Về án dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị T được miễn án phí ly hôn 300.000 đồng và 15.264.000 đồng án phí chia tài sản; ông Nguyễn Khắc S được miễn số tiền 15.264.000 đồng án phí chia tài sản.

- Ghi nhận sự tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 9.500.000 đồng (Chín triệu, năm trăm nghìn đồng) bà T đã nộp xong.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- CC THA DS huyện Mộc Châu;
-Các đương sự.
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đèo Văn Quỳnh